

Bản án số: 42/2024/HS-PT
Ngày: 16-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Toà: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Ông Phạm Tiến Hiệp

- **Thư ký phiên Toà:** Ông Trần Minh Toàn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Toà:**
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2023/HSPT ngày 23 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Lương Minh T và Nguyễn Thị Đ.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Lương Minh T**, sinh năm 1976; tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Minh N (đã chết) và bà Đặng Thị Đ1, sinh năm 1954; có vợ là Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1977; bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 10/02/2022 đến ngày 01/4/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1977; tại tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Đỗ Thị X (đã chết); có chồng là Lương Minh T, sinh năm 1976; bị

cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 15/8/2017, bị Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước áp dụng khoản 1, Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; các Điều 20, Điều 31, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 30/2017/HSST. Đã chấp hành xong Bản án và được xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 09/6/2022 đến ngày 06/9/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này không kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 09/02/2022, Lương Minh T chuẩn bị công cụ đánh bạc đem đến lô cao su tại tổ D, ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước để tổ chức đánh bạc. Sau đó, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị P, Phạm Thế L, Lê Thị T1, Vương Thị Cẩm T2, Trần Văn N1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn T3 đến tham gia đánh bạc. T và Đ quy định đánh bạc bằng hình thức chơi bài xì dách thắng thua bằng tiền, mỗi người làm cái từ 03 đến 05 ván rồi đến lượt người khác. Những người tham gia chơi đặt cược với người làm cái với số tiền đặt cược dao động từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng. Nếu đến lượt ai làm cái mà thắng tiền thì phải trả cho T hoặc Đ tiền xâu là 50.000 đồng/lượt thì tất cả đồng ý. Khi chơi T sử dụng 1.500.000 đồng, S sử dụng 300.000 đồng, Nguyễn Văn T3 sử dụng 300.000 đồng, L và T1 đánh một tụ bài sử dụng chung 2.250.000 đồng, P sử dụng 2.500.000 đồng, T2 và N1 đánh một tụ bài sử dụng chung 2.810.000 đồng. Sòng bài chơi được một lúc, S thua hết 300.000 đồng nên mượn H 700.000 đồng thì H đồng ý. S tiếp tục thua 400.000 đồng, đưa tiền xâu cho Đ 50.000 đồng và còn lại 250.000 đồng thì nghỉ để H vào thay. H sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc thua hết thì H và S đi về. Cùng lúc này, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị D, Ngô Thị Ngọc N3, Trương Văn M, Nguyễn Thị P1 và Huỳnh Thị H1 đến thấy đánh bạc nên vào tham gia đánh bạc cùng T, Đ, P, T2, N1, L, T1, T3 riêng H1 không tham gia mà chỉ ngồi xem. Ngồi sử dụng 1.370.000 đồng, D sử dụng 200.000 đồng, Như sử dụng 320.000 đồng, M sử dụng 300.000 đồng, P1 sử dụng 300.000 đồng, để tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, N2 thua nên mượn của T2 5.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc thì T2 đồng ý. Khoảng 30 phút sau, N2 trả lại cho T2 5.000.000 đồng. Khi D thắng được 200.000 đồng, Như thua 100.000 đồng thì D và Như nghỉ đi về, T2 mệt nên ra vũng gần chiếu bạc nằm nghỉ. Còn lại, T, Đ, L, T1, N1, N2, P, M, P1, T3 tiếp tục đánh bạc. Tất cả đang đánh bạc đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày thì bị Đ2 Công an huyện Đ phối hợp Công an xã T phát hiện kiểm tra lập biên bản. Riêng Nguyễn Thị Đ, Phạm Thế L, Trần Văn N1, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Văn T3 chạy thoát.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã chứng minh được:

Lương Minh T, Nguyễn Thị Đ có hành vi rủ rê, chuẩn bị công cụ, phương tiện, phục vụ nước, thuốc. Trong quá trình đánh bạc T và Đ thu lợi bất chính (tiền xâu) 400.000 đồng từ việc cho Trương Văn M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn N2, Lê Thị T1, Vương Thị Cẩm T2, Nguyễn Thị D, Ngô Thị Ngọc N3, Nguyễn Thị P1, Phạm Thế L, Trần Văn N1, Nguyễn Văn T3 đánh bạc trong cùng một lúc với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 15.650.000 đồng.

Tại thời điểm lập biên bản, tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc gồm có: Tiền thu giữ tại chiếu bạc 1.500.000 đồng và tiền thu giữ trên người Nguyễn Văn N2 2.670.000 đồng; 900.000 đồng Nguyễn Văn N2 vút xuống chân khi bỏ chạy; thu giữ trên người Nguyễn Thị P 2.500.000 đồng; thu giữ trên người Lương Minh T 250.000 đồng; thu giữ trên người Lê Thị T1 2.050.000 đồng; thu giữ trên người Vương Thị Cẩm T2 2.810.000 đồng; 5.000.000 đồng mà N2 mượn của T2 đã thu giữ trên người của T2; Dư giao nộp số tiền 400.000 đồng; Như giao nộp số tiền 220.000; Nguyễn Hoàng S giao nộp 250.000 đồng. Do Lương Minh T, Trương Văn M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn N2, Lê Thị T1 đánh bạc đến khi bị kiểm tra, lập biên bản còn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P1, Phạm Thế L, Trần Văn N1, Nguyễn Văn T3 chạy thoát nên T, M, P, N2, T1, Đ, P1, L, N1, T3 phải chịu trách nhiệm về tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 18.550.000 đồng.

Tại thời điểm Nguyễn Hoàng S trực tiếp tham gia đánh bạc gồm có Lương Minh T, Nguyễn Thị Đ, Lê Thị T1, Phạm Thế L, Vương Thị Cẩm T2, Trần Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T3 cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 10.660.000 đồng (trong đó: Sa sử dụng 1.000.000 đồng; T sử dụng 1.500.000 đồng; Đ sử dụng 300.000 đồng; L và T1 cùng sử dụng 2.250.000 đồng; P sử dụng 2.500.000 đồng; T2 và N1 cùng sử dụng 2.810.000 đồng; T3 sử dụng 300.000 đồng).

Tại thời điểm Nguyễn Thị Mỹ H trực tiếp tham gia đánh bạc gồm có Lương Minh T, Nguyễn Thị Đ, Lê Thị T1, Phạm Thế L, Vương Thị Cẩm T2, Trần Văn N1, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn T3 cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 10.160.000 đồng (trong đó: H sử dụng 500.000 đồng; T sử dụng 1.500.000 đồng; Đ sử dụng 300.000 đồng; L và T1 cùng sử dụng 2.250.000 đồng; P sử dụng 2.500.000 đồng; T2 và N1 cùng sử dụng 2.810.000 đồng; T3 sử dụng 300.000 đồng); Tại thời điểm Vương Thị Cẩm T2, Ngô Thị Ngọc N3 và Nguyễn Thị D tham gia đánh bạc có Lương Minh T, Nguyễn Thị Đ, Lê Thị T1, Phạm Thế L, Trần Văn N1, Nguyễn Thị P, Trương Văn M, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Văn T3 cùng tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 17.150.000 đồng (trong đó: Như sử dụng 320.000 đồng; D sử dụng 200.000 đồng; T sử dụng 1.500.000 đồng; Đ sử dụng 300.000 đồng; L và T1 cùng sử dụng 2.250.000 đồng; P sử dụng 2.500.000 đồng; T2 và N1 cùng sử dụng 2.810.000 đồng; N2 sử dụng 6.370.000 đồng; M sử dụng 300.000 đồng; P1 sử dụng 300.000 đồng; T3 sử dụng 300.000 đồng). Quá trình điều tra, các bị cáo

Lương Minh T, Nguyễn Thị Đ, Trương Văn M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn N2, Lê Thị T1, Vương Thị Cẩm T2, Nguyễn Thị D, Ngô Thị Ngọc N3, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Hoàng S, Phạm Thế L, Trần Văn N1, Nguyễn Văn T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Lương Minh T, Nguyễn Thị Đ phạm các tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Văn N2, Lê Thị T1, Vương Thị Cẩm T2, Nguyễn Thị D, Ngô Thị Ngọc N3, Nguyễn Thị P1, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Hoàng S, Phạm Thế L, Trần Văn N1, Nguyễn Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; Điều 38; Điều 50, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Minh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Tổ chức đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Minh T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Lương Minh T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 10/02/2022 đến ngày 01/4/2022.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; Điều 38; Điều 50, 58, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Tổ chức đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. các Điều 17; Điều 38; Điều 50, 58, Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 09/6/2022 đến ngày 06/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thế L 09 (C1) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 10 (Mười) tháng tù tại bản án số 60/2023/HS-ST ngày 21/7/2023 của TAND huyện Đồng Phú, tỉnh

Bình Phước. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 19 (Mười chín) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 21/02/2023, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 12/6/2022 đến ngày 06/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T1 06 (Sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Ngọc N3 06 (Sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 10/8/2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P1 06 (Sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 22/4/2022 đến ngày 17/5/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N2 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Vương Thị Cẩm T2 (tên gọi khác: Bé H2) 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Trương Văn M 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn N1 (tên gọi khác: P) 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D (tên gọi khác: Như) 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ H (tên gọi khác: Q) 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung; xử lý vật chứng; án phí; nghĩa vụ thi hành án treo và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2023 các bị cáo Lương Minh T; Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm xác định và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo cho các bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định tại các điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để xem xét, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của người liên quan về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội; các vật chứng vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ khác được xét hỏi công khai tại phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] *Xét kháng cáo của các bị cáo Lương Minh T; Nguyễn Thị Đ về xiệc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo T có bố là thương binh hạng 2/4, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, nên

sau khi xem xét đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội xử phạt các bị cáo mức án 01 năm 03 tháng tù, về tội “Tổ chức đánh bạc” và 09 tháng tù về tội “Đánh bạc” là phù hợp do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, trong vụ án này đối với tội tổ chức đánh bạc bị cáo Đ chỉ tham gia với vai trò đồng phạm không đáng kể. Ngoài ra bị cáo Đ và bị cáo T là vợ chồng, đều là bị cáo trong vụ án. Hơn nữa, bị cáo T, Đ có con còn nhỏ (sinh năm 2017) đang tuổi ăn học, rất cần có người chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm bị cáo Đ cung cấp thêm tài liệu thể hiện gia đình bị cáo có công với cách mạng (có xác nhận của chính quyền địa phương), đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét tính chất mức độ hành vi mà bị cáo Đ thực hiện và đối chiếu các quy định về cho hưởng án treo, bị cáo Đ đầy đủ điều kiện do đó không cần thiết cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục là phù hợp, đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được chăm sóc con nhỏ, phù hợp với chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước.

Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đ theo hướng giữa nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Đối với kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Lương Minh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo Nguyễn Thị Đ không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Minh T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo Lương Minh T.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Minh Trung p các tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; Điều 38; Điều 50, 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Minh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lương Minh T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Lương Minh T phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam trước từ ngày 10/02/2022 đến ngày 01/4/2022.

[2] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Đ.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Đ phạm các tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; Điều 38; Điều 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. các Điều 17; Điều 38; Điều 50, 58, 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 02 (Hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (Bốn) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 16/8/2024).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Toà án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Đ không phải chịu.

Bị cáo Lương Minh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- PV 06 - CA tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện Đồng Phú;
- Chi cục THADS huyện Đồng Phú;
- CQĐT - Công an huyện Đồng Phú;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Đồng Phú;
- UBND xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú;
- Tổ HCTP; Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Thư